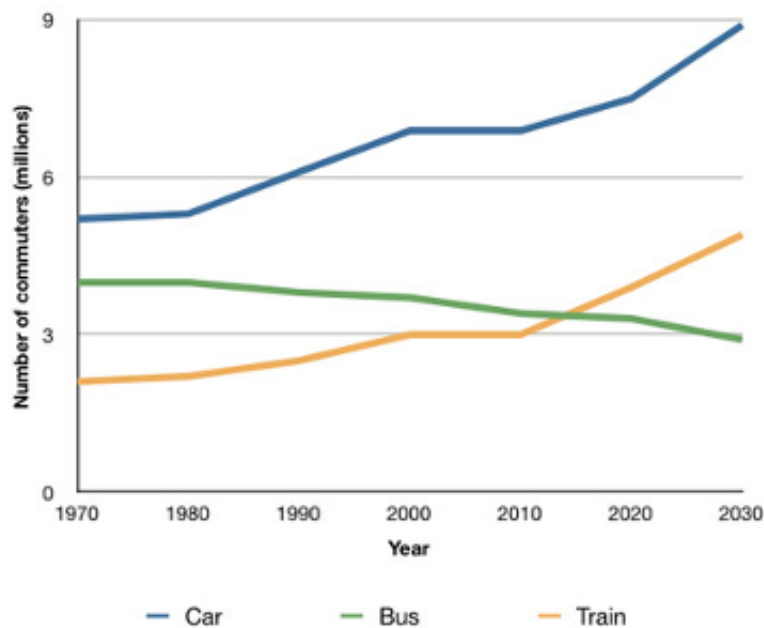


WRITING TASK 1 CHALLENGE 3

DẠNG: LINE GRAPH

The graph below shows the average number of UK commuters travelling each day by car, bus or train between 1970 and 2030.



BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

- 1/ Tạo structure (dàn ý) cho bài (có mấy đoạn, mỗi đoạn viết gì)
- 2/ Xác định 1-2 điểm nổi bật nhất và chung nhất để làm câu nhận xét tổng quan (overview) + Các key features mà bạn sẽ mô tả về chart (Body paragraphs)



Next Level English

Take your English to the next level with IELTS teachers 8.0+

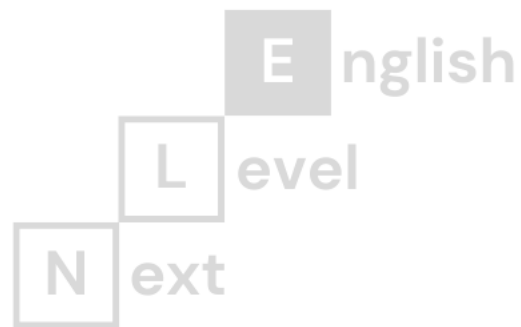
Website: nextlevelenglish.vn

Fanpage/YouTube: [Next Level English](#)

Group: [Học IELTS 8.0+ cùng Hanna](#)

Phone: 0869.354.255 (Zalo – Nuhao)

BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 150 từ), cố gắng canh thời gian ≤ 20 phút.





BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và học từ vựng

Sample essay (Simon_band 9.0)

The line graph compares figures for daily travel by workers in the UK using three different forms of transport over a period of 60 years.

It is clear that the car is by far the most popular means of transport for UK commuters throughout the period shown. Also, while the numbers of people who use the car and train increase gradually, the number of bus users falls steadily.

In 1970, around 5 million UK commuters travelled by car on a daily basis, while the bus and train were used by about 4 million and 2 million people respectively. In the year 2000, the number of those driving to work rose to 7 million and the number of commuting rail passengers reached 3 million. However, there was a small drop of approximately 0.5 million in the number of bus users.

By 2030, the number of people who commute by car is expected to reach almost 9 million, and the number of train users is also predicted to rise, to nearly 5 million. By contrast, buses are predicted to become a less popular choice, with only 3 million daily users.

(168 words)

1/ Structure essay (dàn ý)

Paragraph 1 – Introduction

- Paraphrases the task question.
- States what is being compared (forms of transport, daily commuters, time period, country).

Paragraph 2 – Overview

- Summarises the main trends without data.
- Highlights two key features:
 - The car was the most popular means of transport throughout the period.
 - Car and train use increased, while bus use declined.

Paragraph 3 – Details (1970–2000)

- Provides figures for 1970.
- Describes increases in car and train use.
- Notes a slight decrease in bus users.

Paragraph 4 – Details (2000–2030)

- Describes predicted increases in car and train use.
- Highlights the continued decline in bus use.

2/ Dịch song ngữ:

English	Vietnamese
The line graph compares figures for daily travel by workers in the UK using three different forms of transport over a period of 60 years .	Biểu đồ đường so sánh số liệu về việc di chuyển hằng ngày của người lao động tại Anh sử dụng ba loại phương tiện giao thông khác nhau trong giai đoạn 60 năm .
It is clear that the car is by far the most popular means of transport for UK commuters throughout the period shown . Also, while the numbers of people who use the car and train increase gradually , the number of bus users falls steadily .	Có thể thấy rõ rằng ô tô là phương tiện phổ biến nhất vượt trội đối với người đi làm tại Anh trong suốt giai đoạn được thể hiện . Đồng thời, trong khi số người sử dụng ô tô và tàu hỏa tăng dần , thì số người đi xe buýt giảm đều đặn .
In 1970 , around 5 million UK commuters travelled by car on a daily basis , while the bus and train were used by about 4 million and 2 million people respectively . In the year 2000 , the number of those driving to work rose to 7 million and the number of commuting rail passengers reached 3 million. However, there was a small drop of approximately 0.5 million in the number of bus users.	Năm 1970 , khoảng 5 triệu người đi làm tại Anh di chuyển bằng ô tô hằng ngày , trong khi xe buýt và tàu hỏa được sử dụng bởi khoảng 4 triệu và 2 triệu người tương ứng . Vào năm 2000 , số người lái xe đi làm tăng lên 7 triệu và số hành khách đi làm bằng tàu đạt 3 triệu. Tuy nhiên, số người sử dụng xe buýt giảm nhẹ khoảng 0,5 triệu.
By 2030 , the number of people who commute by car is expected to reach almost 9 million, and the number of train users is also predicted to rise , to nearly 5 million. By contrast , buses are predicted to become a less popular choice, with only 3 million daily users .	Đến năm 2030 , số người đi làm bằng ô tô được dự đoán sẽ đạt gần 9 triệu, và số người sử dụng tàu hỏa cũng được dự đoán là sẽ tăng , lên gần 5 triệu. Trái lại , xe buýt được dự đoán sẽ trở thành lựa chọn kém phổ biến hơn, với chỉ 3 triệu người sử dụng mỗi ngày .

3/ Vocab and Grammar:

3.1/ Vocabulary:

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
compares figures	v phr	so sánh số liệu	compares data; compares statistics	-
daily travel	n phr	di chuyển hằng ngày	daily commuting	-

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
forms of transport	n phr	các loại phương tiện giao thông	modes of transport	-
over a period of	prep phr	trong giai đoạn	over the course of; during	-
it is clear that	structure	có thể thấy rõ ràng	it is evident that; it can be seen that	-
by far the most popular	adv phr	phổ biến nhất vượt trội	clearly the most popular; overwhelmingly the most popular	-
throughout the period shown	prep phr	trong suốt giai đoạn được thể hiện	over the whole period; during the entire period	-
while	conjunction	trong khi	whereas; whilst	-
increase gradually	v + adv	tăng dần	rise steadily; grow gradually	fall gradually
fall steadily	v + adv	giảm đều	decline steadily; decrease gradually	rise steadily
on a daily basis	prep phr	hằng ngày	every day	-
respectively	adv	tương ứng	correspondingly	-
rose to	v phr	tăng lên đến	increased to; climbed to	fell to
reached	v	đạt tới	hit; attained	-
a small drop of approximately	n phr	sự giảm nhẹ khoảng	a slight decrease of; a minor drop of	-
is expected to reach	structure	được kỳ vọng sẽ đạt	is forecast to reach; is projected to reach	-
is predicted to rise	structure	được dự đoán sẽ tăng	is expected to increase; is forecast to rise	-
daily users	n phr	người sử dụng hằng ngày	daily commuters; everyday users	-

3.2/ Ngữ pháp và cấu trúc hay dành cho Writing Task 1:

1. Câu mở bài mô tả biểu đồ

"The line graph compares figures for ... over a period of ..."

- ◆ Dùng cho Introduction
- ◆ Động từ hay dùng: compares, illustrates, shows



2. Cấu trúc Overview

It is clear that ...

- ◆ Nêu xu hướng chính
- ◆ Không dùng số liệu

3. Câu phức với “while”

while A increases, B falls

- ◆ So sánh hai xu hướng trái ngược trong cùng 1 câu

4. Cấu trúc mô tả tăng / giảm có trạng từ

increase gradually / fall steadily

- ◆ Thể hiện mức độ thay đổi

5. Cấu trúc dự đoán (future data)

is expected to reach / is predicted to rise

- ◆ Bắt buộc dùng cho số liệu dự báo

6. Trạng từ “respectively”

- ◆ Dùng khi liệt kê nhiều số liệu tương ứng

BƯỚC 4: Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?